

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: **3809/QĐ-UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 14 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 – 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 431/TTr-SNV ngày 21 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 – 2025.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn

tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Cải cách hành chính;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Cục Tin học hóa;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CTHĐ 09;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban thuộc Tỉnh ủy;
- Các hội, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- Các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, BTCĐ, HCTC;
- Lưu: VT, KSTT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Phi Long



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 – 2025
(Kèm theo Quyết định số 3809/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 76/NQ-CP); Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020-2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 09-CTr/TU);

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nhằm cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 76/NQ-CP và Chương trình hành động số 09-CTr/TU.

2. Phân công, xác định rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đơn vị, chính quyền các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là các sở, ngành, địa phương) trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá và thường xuyên.

3. Chủ động nghiên cứu áp dụng những giải pháp mới, sáng tạo, khả thi để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính, để cải cách hành chính là khâu đột phá tạo dựng môi trường thuận lợi nhằm thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội.

II. MỤC TIÊU CHUNG

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; hệ thống cơ quan hành chính nhà

nước các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ Nhân dân. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số các cấp phục vụ kịp thời, hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân.

III. NỘI DUNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

1.1. Mục tiêu

Cải thiện và nâng cao kết quả các chỉ số liên quan đến cải cách hành chính và bảo đảm kết quả năm sau cao hơn năm trước. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) nằm trong nhóm 20 địa phương dẫn đầu cả nước và nhóm 03 địa phương dẫn đầu khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

1.2. Nhiệm vụ và giải pháp

1.2.1. Các sở, ngành, địa phương

- Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ về công tác cải cách hành chính; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc đề xuất các sáng kiến, ý tưởng, giải pháp, chương trình, đề án để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh và theo phân công của UBND tỉnh.

- Tiếp tục phát huy và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền về cải cách hành chính; đa dạng hình thức, phương tiện thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội về các chủ trương, chính sách, nội dung cải cách hành chính.

- Bố trí đủ nguồn tài chính cho cải cách hành chính. Quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ làm công tác cải cách hành chính.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Chú trọng biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân điển hình, những sáng kiến có hiệu quả trong công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh và xử lý nghiêm các cá nhân, đơn vị vi phạm.

- Thực hiện có hiệu quả công tác phối hợp, tạo điều kiện cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, người dân, doanh nghiệp phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội các hoạt động của cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

1.2.2. Sở Nội vụ

- Tiếp tục hoàn thiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tham mưu các giải pháp cải thiện, nâng cao kết quả Chỉ số PAPI, Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

- Hoàn thiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo hướng đánh giá toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông.

- Khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và một số dịch vụ sự nghiệp công của tỉnh dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong công tác chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính, trách nhiệm thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; chú trọng kiểm tra đột xuất, kiểm tra chuyên đề và kiểm tra việc khắc phục hạn chế, khuyết điểm được chỉ ra từ đợt kiểm tra trước.

- Xây dựng kế hoạch phát động phong trào thi đua đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; kịp thời động viên, biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính.

1.2.3. Văn phòng UBND tỉnh

Tiếp tục kiện toàn và tham mưu nâng cao hoạt động hiệu quả Tổ công tác của Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và thực hiện nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

1.2.4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Xây dựng kế hoạch thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025; hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan truyền thông thường xuyên thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính, chú trọng thông tin về những mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo trong cải cách hành chính.

- Rà soát, đề xuất việc xây dựng mới, nâng cấp và duy trì các chuyên trang, chuyên mục tiếp nhận phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về công tác cải cách hành chính.

1.2.5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tham mưu các giải pháp cải thiện và nâng cao kết quả Chỉ số PCI cấp tỉnh; triển khai đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh định kỳ tổ chức đối thoại với doanh nghiệp; tiếp nhận, xử lý, báo cáo đề xuất UBND tỉnh giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư, doanh nghiệp.

1.2.6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh:

- Phát huy tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội trong công tác cải cách hành chính; tiếp tục sử dụng công cụ, biện pháp thiết thực để phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến thông tin về cải cách hành chính để nhân dân nhận thức đúng, đồng thuận trong triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

- Phối hợp thực hiện các giải pháp nâng cao kết quả Chỉ số PAPI, Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số SIPAS.

1.2.7. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bình Định, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh: xây dựng, duy trì chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính để tuyên truyền và tiếp nhận ý kiến phản hồi của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về cải cách hành chính.

2. Cải cách thể chế

2.1. Mục tiêu

Cơ bản hoàn thiện hệ thống các quy định của tỉnh về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển. Hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt pháp luật, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số.

2.2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.2.1. Các sở, ngành, địa phương

- Thực hiện rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật theo ngành, lĩnh vực được phân công để phát hiện, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, ban hành mới phù hợp với quy định của Trung ương và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Thực hiện nghiêm việc đánh giá tác động, lấy ý kiến phản biện xã hội khi đề xuất ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định; tăng cường tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật; trách nhiệm giải trình về các chính sách, thủ tục hành chính theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

2.2.2. Sở Tư pháp

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo thực hiện đúng quy trình, tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ và tính khả thi.

- Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, cập nhật văn bản quy phạm pháp luật; đẩy nhanh tiến độ pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật.

- Hoàn thiện các quy định về trình tự, thủ tục tổ chức thi hành pháp luật theo hướng công khai, minh bạch, bảo đảm cơ chế phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong thi hành pháp luật.

- Tăng cường công tác kiểm tra, điều tra, khảo sát và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị, địa phương và công tác hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp theo quy định.

- Kiện toàn tổ chức, đào tạo đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, cán bộ, công chức, viên chức làm công tác pháp chế.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

2.2.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tiếp tục thực hiện rà soát và tham mưu, đề xuất việc hoàn thiện cơ chế, chính sách về đầu tư, kinh doanh nhằm tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội.

2.2.4. Sở Tài chính

Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất ban hành cơ chế, chính sách xã hội hóa cung ứng dịch vụ công nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia.

2.2.5. Thanh tra tỉnh

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về tiếp dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; kiểm tra, rà soát, đề xuất giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, dư luận xã hội quan tâm, các vụ việc dễ phát sinh “điểm nóng” gây mất trật tự, an toàn xã hội; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Cải cách thủ tục hành chính

3.1. Mục tiêu

- Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

- Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

- Giai đoạn 2022 - 2025 số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính; phấn đấu đến năm 2025 đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Phấn đấu 100% thủ tục hành chính của các sở, ngành, địa phương có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

- 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

- 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

3.2. Nhiệm vụ và giải pháp

3.2.1. Các sở, ngành, địa phương

- Thực hiện nghiêm trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong cải cách thủ tục hành chính; xác định sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo hiệu quả cải cách thủ tục hành chính.

- Thực hiện rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính; đơn giản hóa quy trình thực hiện thủ tục hành chính trong nội bộ cơ quan, đơn vị và với các cơ quan, đơn vị có liên quan; chủ động rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật và kịp thời tham mưu công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý; công khai thủ tục hành chính dưới nhiều hình thức, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuẩn

hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính để nâng cao tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

- Hoàn thiện quy trình giải quyết các nhóm thủ tục hành chính liên thông, tập trung trên các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, đầu tư, y tế, việc làm, chính sách xã hội,... đảm bảo rõ thời gian, rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong từng bước của quy trình nhằm khắc phục tình trạng trễ hẹn, giảm số lần đi lại của tổ chức, công dân.

- Tập trung triển khai có hiệu quả dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; dịch vụ chứng thực điện tử và sử dụng dịch vụ chứng thực điện tử trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến; đảm bảo cung cấp và lưu trữ hồ sơ, giấy tờ điện tử có giá trị pháp lý cho người dân, doanh nghiệp.

- Mở rộng và triển khai có hiệu quả các kênh tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, nâng cao chất lượng vai trò giám sát của người dân, tổ chức đối với việc thực hiện thủ tục hành chính; thực hiện nghiêm Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

3.2.2. Văn phòng UBND tỉnh

- Tham mưu thực hiện công tác rà soát, kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính, chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính các cấp. Rà soát, thống kê, đề xuất xây dựng quy trình thực hiện liên thông các thủ tục hành chính giữa các ngành, các cấp, tập trung trên các lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, thuế, hải quan, chính sách xã hội, y tế, giáo dục,...

- Xây dựng kế hoạch và triển khai có hiệu quả “Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính” theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ, thống nhất các giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Phát triển Hệ thống tích hợp Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử để thống nhất trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức tiếp cận thông tin, công khai, minh bạch về quy trình, thời gian, trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính và tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, các trang thông tin điện tử và trên nền tảng các ứng dụng di động; phối hợp tổ chức đối thoại công khai giữa lãnh đạo UBND tỉnh với người dân, tổ chức, doanh nghiệp để giải quyết vướng mắc, bất cập trong thực hiện thủ tục hành chính.

3.2.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Thành lập Tổ công tác liên ngành làm đầu mối theo dõi, hỗ trợ, “đồng hành, gắn kết”, tạo điều kiện tốt nhất để các nhà đầu tư, các doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng có hiệu quả nguồn lực và tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

4.1. Mục tiêu

- Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh.

- Hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định.

- Giảm tối thiểu bình quân 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

4.2. Nhiệm vụ và giải pháp

4.2.1. Các sở, ngành, địa phương

- Thực hiện các biện pháp đổi mới, cải tiến phương thức làm việc nhằm nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị theo hướng giảm đầu mối tổ chức trung gian; khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp chức năng, nhiệm vụ. Sắp xếp, giảm tối đa bộ máy điều hành quản lý quỹ tài chính, các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

- Xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2022-2025; thực hiện chính sách thu hút người có tài, có đức vào hoạt động công vụ. Trên cơ sở danh mục vị trí việc làm để xác định số lượng biên chế phù hợp.

- Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập; chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần, sang thực hiện tự chủ về tài chính.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp, ủy quyền; gắn trách nhiệm với quyền hạn, phát huy tính chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, đề cao trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện phân cấp; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp, ủy quyền.

- Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa các ngành, các cấp để giải quyết theo nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý nhà nước.

- Các địa phương tiếp tục thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố không đủ điều kiện, tiêu chuẩn thành lập phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố.

4.2.2. Sở Nội vụ

- Tham mưu ban hành quy định, cơ chế, chính sách về kiểm soát quyền lực, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và đề cao trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đối với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức giai đoạn 2022-2025 và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện rà soát, phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp dịch vụ công lập. Nghiên cứu thực hiện thí điểm việc thi tuyển, thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Xây dựng đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật.

- Nghiên cứu, đề xuất thí điểm mô hình tổ chức bộ máy chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh.

4.2.3. Sở Tài chính

- Xây dựng kế hoạch thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2021 – 2025.

- Tiếp tục thực hiện việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp có đủ điều kiện thành công ty cổ phần theo quy định.

- Đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích thành lập các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là trong lĩnh vực y tế, giáo dục, khoa học công nghệ...

5. Cải cách chế độ công vụ

5.1. Mục tiêu

Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước. Phấn đấu đến năm 2025 đạt 100% cán bộ, công chức, viên chức (kể cả cán bộ, công chức cấp xã) đạt tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm. Trong đó:

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện có trình độ chuyên môn sau đại học đạt từ 10% trở lên; 80% cán bộ chuyên trách cấp xã có trình độ đại học, được chuẩn hoá về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác.

- Đạt 100% công chức cấp xã có trình độ đại học (không bao gồm cán bộ, công chức làm việc tại các xã miền núi, vùng cao, biên giới, hải đảo, xã đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).

5.2. Nhiệm vụ và giải pháp

5.2.1. Các sở, ngành, địa phương

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định; cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo danh mục vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm bố trí đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Hoàn thiện các tiêu chí, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá và đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong đánh giá, phân loại.

- Thực hiện nghiêm các quy định về tuyển dụng, quy hoạch, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức; đảm bảo trình tự, thủ tục và tiêu chuẩn chức danh khi bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ; định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức chuyên môn theo quy định của Chính phủ.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý.

5.2.2. Sở Nội vụ

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức; về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; về đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức; chính sách tạo nguồn, thu hút, trọng dụng nhân lực có trình độ cao, nhất là các ngành, các lĩnh vực mũi nhọn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đổi mới công tác tuyển dụng, quy hoạch, tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn, quy định của Trung ương.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ theo vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; bồi dưỡng cập nhật kiến thức theo từng nhóm đối tượng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tiếp tục nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý, sắp xếp, kiện toàn cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn (làng, khu phố) phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh theo lộ trình quy định của Trung ương.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm trong tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, luân

chuyên cán bộ, công chức, viên chức. Thường xuyên kiểm tra, giám sát thực thi công vụ, kiên quyết xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức vi phạm.

6. Cải cách tài chính công

6.1. Mục tiêu

Tập trung hoàn thiện các quy định đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước của tỉnh. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Đến năm 2025, có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

6.2. Nhiệm vụ và giải pháp

6.2.1. Các sở, ngành, địa phương

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp cụ thể, đồng bộ, kịp thời tháo gỡ các rào cản, khó khăn, vướng mắc, khơi thông điểm nghẽn, khắc phục những yếu kém, đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công, kinh phí ngân sách nhà nước giao hàng năm. Nâng cao hiệu quả, chống lãng phí trong đầu tư công, tiết kiệm chi hành chính; nâng cao hiệu quả quản lý tài chính công tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, bảo đảm sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước giao.

- Thực hiện đầy đủ các quy định công khai về ngân sách nhà nước, tài chính của doanh nghiệp có phần vốn của nhà nước; nâng cao trách nhiệm giải trình của chính quyền các cấp về thu, chi ngân sách địa phương hàng năm. Rà soát, sửa đổi các quy định, minh bạch hóa hoạt động thu phí, lệ phí trong cung cấp dịch vụ công của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính theo hướng tiếp tục giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Tập trung thực hiện đổi mới cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

6.2.2. Sở Tài chính

- Tiếp tục đề xuất hoàn thiện các quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách: quy định về mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách; hoàn thiện các quy định về đổi mới cơ chế và quy trình, thủ tục phân bổ ngân sách, cơ chế tài chính cơ quan hành chính nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra.

- Đề xuất thực hiện có hiệu quả Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Căn cứ các quy định, hướng dẫn của Trung ương, phối hợp với

các ngành liên quan tham mưu đề xuất UBND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật của cơ quan, đơn vị được giao quyền tự chủ và trong các hoạt động liên doanh, liên kết tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

6.2.3. Sở Nội vụ

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích thành lập các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập, nhất là y tế, giáo dục, khoa học và công nghệ,... Hoàn thiện các quy định về tăng cường phân cấp và tăng tính chủ động cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Rà soát, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành, địa phương có liên quan đề xuất việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

7.1. Mục tiêu

- 100% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, chính phủ điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên địa bàn tỉnh.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành (không bao gồm nội dung mật) được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- 100% dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền.

- 80% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại.

- Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ hợp và xử lý công việc của UBND cấp tỉnh, cấp huyện: 100% cấp huyện thực hiện hợp thông qua Hệ thống này đối với các cuộc họp của UBND.

- 90% hồ sơ công việc tại cơ quan cấp tỉnh, 80% đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện và 60% đối với UBND cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Hoàn thành việc xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với UBND cấp xã.

7.2. Nhiệm vụ và giải pháp

7.2.1. Các sở, ngành, địa phương

- Thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ xây dựng “chính quyền điện tử” theo lộ trình của Chính phủ bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, hiệu quả thực chất.

- Đẩy mạnh thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, triển khai kết nối, liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước, giữa các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và triển khai các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của cơ quan, đơn vị và các hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Phát triển dữ liệu nội bộ, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm quản lý thống nhất, đồng bộ và kết nối thông suốt giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp: triển khai thực hiện các ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

- Đối với thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn: phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông nghiên cứu xây dựng, phát triển mô hình đô thị thông minh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, ưu tiên phát triển các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như giao thông, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng bảo đảm hiệu quả, thiết thực.

7.2.2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Rà soát, ban hành, hoàn thiện các chủ trương, quy định, chính sách của tỉnh theo khung pháp lý của Trung ương về xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Tham mưu xây dựng và triển khai Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; rà soát Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh để bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Bình Định phù hợp với lộ trình thực hiện Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 5360/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh, duy trì, cập nhật hoàn thiện Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và yêu cầu phát triển Chính phủ số, Chính quyền số. Phát triển nền tảng, tích hợp chia sẻ dữ liệu kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị trên địa

bản tinh và kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia theo Khung Kiến trúc chính phủ điện tử.

- Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, phát triển hạ tầng số đáp ứng nhu cầu triển khai chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số trên địa bàn tỉnh. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển các ứng dụng công nghệ số như điện toán đám mây (Cloud), dữ liệu lớn (Big Data), di động, internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain) và các công nghệ số mới trong xây dựng và triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (Idesk) bảo đảm kết nối liên thông trao đổi văn bản điện tử giữa tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương và kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia. Tích hợp điện tử hóa đề nâng cao hiệu quả trong áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- Tập trung triển khai thực hiện Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thí điểm dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Định. Kịp thời sơ kết đánh giá và nhân rộng đối với một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh hiệu quả, phù hợp với đặc thù của từng địa phương trên địa bàn tỉnh.

7.2.3. Văn phòng UBND tỉnh

- Phát triển hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và kết nối hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ. Thực hiện nâng cấp, thường xuyên duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Cổng thông tin điện tử của tỉnh; xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến giữa UBND tỉnh với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu, từng bước xây dựng và hình thành mô hình Trung tâm chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh điều hành dựa trên dữ liệu số.

7.2.4. Sở Tư pháp

Thực hiện có hiệu quả việc xây dựng và vận hành Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đảm bảo thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn tỉnh theo quy định của trung ương.

7.2.5. Sở Khoa học và Công nghệ

Tiếp tục thực hiện áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

(Kèm theo Phụ lục Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh được bố trí từ nguồn ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

2. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai thực hiện các nội dung, chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ Kế hoạch này, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, những khâu đột phá, giải pháp chủ yếu và tổ chức thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính. Chủ động phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện nhất quán các nhiệm vụ, giải pháp để hoàn thành các mục tiêu của kế hoạch đề ra.

- Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch cải cách hành chính đối với các cơ quan, địa phương trực thuộc.

- Lập dự toán ngân sách chi cho công tác cải cách hành chính trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo công tác cải cách hành chính nhà nước.

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị theo yêu cầu của UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ để tổng hợp).

- Đến giữa năm 2023 tiến hành sơ kết, đến năm 2025 tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch này gắn với sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU.

2. Các sở, ngành, cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính

Căn cứ các nhiệm vụ cải cách hành chính trong Phụ lục kèm theo Kế hoạch này có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan tổ chức xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai theo quy định.

3. Sở Nội vụ

- Là cơ quan thường trực tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025.

- Tham mưu giúp Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU, UBND tỉnh thực hiện công tác chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, tổng hợp báo cáo, kiến nghị các biện pháp triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Kế hoạch này và nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước của UBND tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương hàng năm.

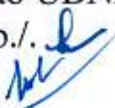
- Hướng dẫn các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch cải cách hành chính hàng năm và chế độ báo cáo quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ; báo cáo sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Kế hoạch này gắn với sơ kết, tổng kết Chương trình hành động số 09-CTr/TU và sơ kết Nghị quyết số 76/NQ-CP.

- Hàng năm, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính ở các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài chính

Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm của các sở, ngành, đơn vị, địa phương của tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung nội dung cụ thể Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động đề xuất, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.



Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số **3809/QĐ-UBND**
ngày **14** tháng **9** năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp			
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH					
1	1	Kế hoạch truyền thông về cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ; các cơ quan có liên quan	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2021
2	2	Kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan có liên quan	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2021
3	3	Xây dựng bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành, địa phương (DDCI) giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội tỉnh; Các cơ quan có liên quan	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2021
4	4	Kế hoạch thực hiện Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030”	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Sau khi Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án
5	5	Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của	Sở Nội vụ	Các cơ quan có liên quan	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Sau khi Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án

STT	Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp			
	Cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của tỉnh đến năm 2025					
II CẢI CÁCH THỂ CHẾ						
6	1	Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Quy định về trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Sau khi có quy định của Trung ương
7	2	Quy chế thực hiện công khai, minh bạch về quy định, cơ chế, chính sách bảo đảm việc tiếp cận của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp	Sở Tư pháp	Các cơ quan có liên quan	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2021
III CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH						
8	1	Quy định về đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Bình Định	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định của UBND tỉnh	Sau khi có quy định của Trung ương
9	2	Đề án “Phát huy vai trò của thanh niên trong công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn thực hiện Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cho người dân trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 – 2026”	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan có liên quan	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2021
10	3	Kế hoạch triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Bình Định	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2021
11	4	Đề án “Thí điểm triển khai mô hình chính quyền thân thiện phục vụ công dân thực hiện thủ tục hành chính giai đoạn 2022 – 2025”	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2022

STT	Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp			
12	5	Kế hoạch thực hiện Đề án “Phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính”	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Sau khi Chính phủ phê duyệt Đề án
13	6	Quy trình giải quyết nhóm thủ tục hành chính liên thông, tập trung trên các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, đầu tư, y tế, việc làm, chính sách xã hội,...	Các cơ quan có liên quan	Văn phòng UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Theo chỉ đạo của UBND tỉnh
14	7	Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương
IV CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC						
15	1	Kế hoạch tinh giản biên chế công chức, viên chức tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2021
16	2	Quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Các sở, ngành thuộc UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương
17	3	Đề án sắp xếp, tổ chức lại bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Sở Nội vụ	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Sau khi có quy định của Trung ương
18	4	Đề án thí điểm việc thi tuyển, thuê giám đốc điều hành đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Nội vụ	Các cơ quan có liên quan	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương

STT	Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp			
19	5	Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2022-2025	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương
20	6	Phối hợp hoàn thành Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Bình Định (Dự án 513)	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Quyết định phê duyệt của Bộ Nội vụ	Theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ
V CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ						
21	1	Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về phân cấp quản lý cán bộ; về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý; về đào tạo, bồi dưỡng; các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2021
22	2	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2021
23	3	Quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh	Sở Nội vụ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Sở Tài chính; Các sở, ngành, địa phương	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Năm 2022
24	4	Đề án thi tuyển cạnh tranh vào các vị trí quản lý cấp phòng, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành	Sở Nội vụ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2022

STT	Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp			
25	5	Quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2022
VI CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG						
26	1	Quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2022-2025	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2021
27	2	Quy định về khung giá dịch vụ sự nghiệp công lập theo các quy định, hướng dẫn của Trung ương	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương
28	3	Kế hoạch chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện thành công ty cổ phần theo quy định và lộ trình của Chính phủ	Sở Tài chính	Sở Nội vụ; các cơ quan có liên quan	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương
VII XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ						
29	1	Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Năm 2021
30	2	Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2021

STT	Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp			
31	3	Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh, kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và các địa phương, các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2022
32	4	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh đảm bảo liên kết, tích hợp các Cổng/Trang thông tin điện tử các sở, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2022
33	5	Nâng cấp hệ thống Văn phòng điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm soát việc thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Văn bản triển khai của UBND tỉnh	Năm 2021
34	6	Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và yêu cầu phát triển Chính phủ số, Chính quyền số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương
35	7	Đề án mô hình Trung tâm dữ liệu dùng chung	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2022
36	8	Kế hoạch triển khai: Nền tảng họp trực tuyến, Nền tảng làm việc, cộng tác trên môi trường số dựa trên Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ, Nền tảng trợ lý ảo, đảm bảo	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2022

STT	Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp			
	kế thừa các hệ thống thông tin đã được xây dựng tại địa phương					
37	9	Đề án triển khai mô hình đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2022
38	10	Xây dựng nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Y tế thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, đảm bảo điều kiện tham gia vào mạng lưới Y tế thông minh toàn quốc	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan có liên quan	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2022
39	11	Xây dựng nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Giáo dục thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, sẵn sàng tham gia vào mạng lưới Giáo dục thông minh toàn quốc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan có liên quan	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2022
40	12	Đề án số hóa dữ liệu chuyên ngành (ưu tiên các lĩnh vực tài nguyên môi trường, xây dựng, dự án đầu tư) và tích hợp lên các nền tảng số, kết nối, chia sẻ CSDL chuyên ngành với trục LGSP của tỉnh phục vụ công tác chuyển đổi số	Các sở, ngành có liên quan	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Theo Kế hoạch của UBND tỉnh
TỔNG CỘNG: 40 NHIỆM VỤ						